TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI** **------&------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------&---------**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v:"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Tuyên và Bà Hoàng Thị Bình.
- *Thư ký phiên tòa*: bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TLST - DS, ngày 14/5/2018 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST - DS, ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Dương Quang K, sinh năm 1979
Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh G (có mặt)
- *Bị đơn:* ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X
Địa chỉ: thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh G (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Dương Quang K và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vào ngày 30/3/2015, ông bà có bán vật liệu xây dựng cho ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X với số tiền 35.000.000đ, ông T và bà X có viết giấy hẹn nợ đến ngày 30/3/2017 trả số tiền 20.000.000đ, số tiền còn lại sẽ trả dần trong năm. Khi đến hạn trả nợ ông bà đã yêu cầu ông T và bà X trả nợ nhiều lần, nhưng ông T bà X mới trả được 6.000.000đ. Vì vậy ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc còn lại là 29.000.000đ, ông bà không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T bà X không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán số tiền mua bán vật liệu xây dựng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà không tranh chấp về hợp đồng mua bán nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Qua xem xét tài liệu chứng cứ giấy hẹn trả tiền bản gốc do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng: ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X có nợ tiền của ông Dương Quang K và bà Nguyễn Thị V số tiền 35.000.000đ, ông T và bà X hẹn đến ngày 30/3/2017 sẽ trả số tiền 20.000.000đ, số tiền còn lại sẽ trả dần trong năm, giấy hẹn nợ này do ông T viết và ký tên, mặt sau tờ giấy bà X và ông T cùng ký tên. Như vậy việc nhận nợ là có thật. Khi đến thời hạn trả nợ ông K bà V yêu cầu ông T bà X trả nợ nhưng ông T bà X mới trả được 02 lần, mỗi lần trả 3.000.000đ tổng cộng trả được 6.000.000đ, việc trả nợ này không có giấy tờ gì, nhưng nguyên đơn thừa nhận. Do đó nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn là ông T bà X phải trả số tiền còn lại là 29.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tóa án theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T bà X không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91

Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T bà X đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T bà X phải trả số tiền còn nợ là 29.000.000 đồng cho K bà V.

Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 430; 440; 688 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang K và bà Nguyễn Thị V. Buộc ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Quang K và bà Nguyễn Thị V số tiền là: 29.000.000đ *(hai mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Buộc ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.450.000đ (*một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho ông Dương Quang K và bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000đ (*bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002466, ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa